

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST  
Ngày: 11-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Văn Phương**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Thạch Thế Hiền**

2/ Bà **Võ Ngọc Ba**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Hoàng Minh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Việt Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị D**, sinh năm 1982, tại: huyện Ô; nơi cư trú: ấp T, xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị A; có chồng: anh Hoàng Quân Th, sinh năm 1965; con: Hoàng Robbie T, sinh năm 2016; anh chị em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo); tiền sự, tiền án: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Phước S**, sinh năm 1980, tại: huyện Ô; nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị A; có vợ: chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1979; con: Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 2017; anh chị em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo); tiền sự; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo D và S:* Luật sư **Lưu Thanh P1** - thuộc Chi nhánh Công ty luật TNHH MTV Thuận Hưng tại Vĩnh Long – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị hại:*

1. Anh **Kim Văn B**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp S, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Đặng Thị A**, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Đặng Văn Nh**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

3. Anh **Bùi Thanh P**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

4. Anh **Võ Hồng A1**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp M, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2020 Kim Văn B, sinh năm 1987 ngụ ấp S, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long có mua cam trái của Nguyễn Thị D, sinh năm 1982 ngụ ấp T, xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long với số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) nhưng chỉ trả được 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) còn nợ 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). D gặp B và vợ của B tên Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982 đòi nhiều lần nhưng B và Y chưa trả, tức giận vì không đòi được tiền nên khoảng 09 giờ ngày 01/9/2020 Nguyễn Thị D điều khiển xe mô tô biển số 64T2-1693 từ nhà đến vừa cam vợ chồng Y tại ấp S, xã H, huyện Ô mục đích tìm vợ chồng Y đòi nợ. Khi đi D mang theo 01 cây búa và 01 cây kiếm mục đích nếu không gặp được vợ chồng Y thì dùng để khóa cửa nhà để lấy tài sản trừ nợ. Thấy D có thái độ nóng giận nên mẹ ruột của D tên Đặng Thị A, sinh năm 1959 (cùng địa chỉ với D) đi theo D để xem, khi đến vừa cam không thấy vợ chồng Y ở nhà, cửa vừa cam đã khóa, D điện thoại nhưng không liên lạc được với vợ chồng của Y. Lúc này, anh Đặng Văn Nh, sinh năm 1986 (người làm thuê vừa cam) và anh Bùi Thanh P, sinh năm 1974 cùng ngụ ấp M, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long nghe tiếng ồn ào nên mới chạy đến xem, anh Nh dùng điện thoại liên lạc với Y (Y đang đi Thành phố Hồ Chí Minh), D nghe anh Nh

nói chuyện với Y qua điện thoại nên D yêu cầu vợ chồng Y trả tiền mua cam, nếu không thì sẽ vào vừa cam để lấy tài sản, sau đó D tắt điện thoại. Anh Nh và anh P can ngăn không được nên bỏ ra về. D dùng cây búa và kiềm mang theo cắt dây xích khóa cửa vừa cam và đi vào bên trong, thấy vậy bà A cũng đi theo xem. Sau khi vào trong D tắt cầu dao điện nhằm mục đích tắt camera và thuận tiện trong việc tháo gỡ những tài sản của vợ chồng Y. D điện thoại cho anh ruột tên Nguyễn Phước S, sinh năm 1980 ngụ ấp V, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long, D nói với S là D đến vừa cam của vợ chồng Y đòi nợ không được nên lấy tài sản trừ nợ và nhờ S đến vừa cam để phụ tháo lấy tài sản của vợ chồng Y với D. S đồng ý và chạy xe đến vừa cam, D và S trực tiếp tháo gỡ các tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen. Sau đó D kêu xe tải của anh Võ Hồng A1, sinh năm 1981 ngụ ấp M, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long để thuê chở tài sản. S và D khiêng những tài sản trên để lên xe tải chở đến nhà anh S cất giữ. Trong lúc D và S trực tiếp tháo gỡ tài sản mang ra xe tải thì bà Đặng Thị A chỉ đứng nhìn, không nói gì. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Y về nhà thấy tài sản bị mất nên trình báo Công an.

Qua trích xuất camera và điều tra xác minh, Cơ quan điều tra mời Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S làm việc và thu giữ tang vật gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen; 01 cây búa bằng kim loại, đầu búa sơn màu xanh lá, cán búa có bọc vỏ nhựa màu cam; 01 cái kiềm bằng kim loại có dòng chữ FRIEND, MEINFA vỏ bọc bằng cao su có màu đỏ đen; 01 dây xích có bọc ống nhựa màu xanh dương, có một mắc xích bị hỏng, trên dây xích có một ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY; 01 bù lon bằng kim loại có chữ PN; 02 con tán bằng kim loại; 01 USB màu đen GLIGE 3.0 16 GB có chứa đoạn vi deo hình ảnh của bị cáo D và bà A vào vừa cam ngày 01/9/2020 (trích xuất từ camera vừa cam).

Theo bản kết luận định giá tài sản số 40/KLHD-ĐGTS ngày 18/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Ô kết luận: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen có giá trị 7.745.000

đồng (Bảy triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 12/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã giao trả số tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen cho bị hại.

+ Còn 01 cây búa bằng kim loại, đầu búa sơn màu xanh lá, cán búa có bọc vỏ nhựa màu cam; 01 cây kiềm bằng kim loại có dòng chữ FRIEND, MEINFA vỏ bọc bằng cao su có màu đỏ đen; 01 dây xích có bọc ống nhựa màu xanh dương, có một mắc xích bị hỏng, trên dây xích có một ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY; 01 bù lon bằng kim loại có chữ PN; 02 con tán bằng kim loại. Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý.

+ 01 USB màu đen GLIGE 3.0 16 GB hiện lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Y trình bày tài sản các bị cáo lấy là tài sản của Y, Y đã nhận lại không yêu cầu gì. Y yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do 02 bị cáo đến vừa cam lấy tài sản làm ảnh hưởng uy tín, danh dự và ảnh hưởng đến hoạt động của vừa cam. Đối với ổ khóa mà bị cáo D làm hư hỏng do thiệt hại nhỏ nên chỉ yêu cầu bồi thường. Qua làm việc 02 bị cáo không đồng ý bồi thường tiền theo yêu cầu của bị hại mà chỉ đồng ý bồi thường ổ khóa.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKSTÔ ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị D thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo là đúng hành vi của bị cáo, không oan, bị cáo khai nhận: Do vợ chồng anh Kim Văn B và chị Nguyễn Thị Y nợ 35.000.000 đồng tiền mua cam của bị cáo, bị cáo đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh B không trả nên vào khoảng 09 giờ ngày 01/9/2020, bị cáo D cùng với bị cáo Nguyễn Phước S (anh ruột của bị cáo D) đến vừa cam của vợ chồng

anh B, chị Y thuộc ấp S, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long thực hiện hành vi lấy tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen của chị Nguyễn Thị Y trị giá 7.745.000 đồng đem về nhà bị cáo S cất giữ, mục đích để vợ chồng anh B, chị Y trả nợ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo không đồng ý theo yêu cầu của bị hại về việc yêu cầu bị cáo và bị cáo S bồi thường số tiền 100.000.000 đồng vì đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và hoạt động của vừa cam, bị cáo chỉ đồng ý bồi thường ổ khóa cho bị hại.

Bị cáo Nguyễn Phước S thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo là đúng hành vi của bị cáo, không oan, bị cáo khai nhận: Vào khoảng 09 giờ ngày 01/9/2020 bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Thị D có đến vừa cam của vợ chồng anh B, chị Y thuộc ấp S, xã H, huyện Ô thực hiện hành vi lấy tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen của chị Nguyễn Thị Y trị giá 7.745.000 đồng đem về nhà bị cáo cất giữ, mục đích để vợ chồng anh B, chị Y trả nợ cho bị cáo D. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo không đồng ý theo yêu cầu của bị hại về việc yêu cầu bị cáo và bị cáo D bồi thường số tiền 100.000.000 đồng vì đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và hoạt động của vừa cam.

Bị hại chị Nguyễn Thị Y trình bày: Tài sản các bị cáo lấy là tài sản riêng của chị, nay chị đã nhận lại nên không yêu cầu gì. Về trách nhiệm dân sự chị chỉ yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 100.000.000 đồng do các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, ảnh hưởng đến hoạt động của vừa cam và không yêu cầu bị cáo D bồi thường ổ khóa. Về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu Hội đồng xét xử xử theo quy định của pháp luật. Chị Y thừa nhận trong vụ án này phía gia đình chị cũng có một phần lỗi do chưa trả tiền mua cam cho bị cáo D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

*Hình phạt chính:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, Điều 36; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, Điều 36; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

*Hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị D nộp từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Phước S nộp từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự đề nghị:

Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị D bồi thường cho chị 01 ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY.

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại chị Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S bồi thường tiền tổn thất do làm ảnh hưởng uy tín, danh dự và ảnh hưởng đến hoạt động của vừa cam là 100.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã giao trả số tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen cho bị hại và bị hại đã nhận lại tài sản xong.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cây búa bằng kim loại, đầu búa sơn màu xanh lá, cán búa có bọc vỏ nhựa màu cam; 01 cây kiềm bằng kim loại có dòng chữ FRIEND, MEINFA vỏ bọc bằng cao su có màu đỏ đen đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội và 01 dây xích có bọc ống nhựa màu xanh dương, có một mắc xích bị hỏng, trên dây xích có một ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY; 01 bù lon bằng kim loại có chữ PN; 02 con tán bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu 01 USB màu đen GLIGE 3.0 16 GB lưu hồ sơ vụ án.

Về Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S mỗi bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng mà vị Kiểm sát viên đã đề nghị. Tuy nhiên cần xem xét các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; các bị cáo nhất thời phạm tội; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án; các bị cáo nhận thức và am hiểu pháp pháp luật còn hạn chế; các bị cáo có người thân có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên các bị cáo dưới mức thấp nhất của đề nghị vị Kiểm sát viên, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 năm cải tạo không giam giữ và xử phạt bị cáo Nguyễn Phước S 06 tháng cải tạo không giam giữ. Đối với yêu cầu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị hại chị Y yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 100.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận vì ngoài lời trình bày ra bị hại không có chứng cứ gì chứng minh thiệt hại do các bị cáo gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản sự việc cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Do vợ chồng anh Kim Văn B và chị Nguyễn Thị Y nợ 35.000.000 đồng tiền mua cam của bị cáo Nguyễn Thị D, bị cáo D đã đòi

hiều lần nhưng vợ chồng anh B không trả nên vào khoảng 09 giờ ngày 01/9/2020, bị cáo D cùng với bị cáo Nguyễn Phước S (anh ruột của bị cáo D) đến vừa cam của vợ chồng anh B, chị Y thuộc ấp S, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long thực hiện hành vi lấy tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen của chị Nguyễn Thị Y trị giá 7.745.000 đồng đem về nhà bị cáo S cất giữ, mục đích để vợ chồng anh B, chị Y trả nợ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Như vậy cáo trạng số 62/CT-VKSTÔ ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo và lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều nhận thức được hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tức giận bị hại không trả số tiền mua cam còn nợ nên các bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra đúng với tích chất mức độ phạm tội của từng bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có bàn bạc trước và cũng không có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị D là người giữ vai trò chính và quan trọng nhất trong vụ án, bị cáo đã trực tiếp dùng búa và kiềm cắt dây xích khóa cửa vừa cam để đi vào bên trong, khi vào bên trong bị cáo đã tắt cầu dao điện nhằm mục đích tắt camera để thuận tiện trong việc tháo gỡ tài sản và trực tiếp cùng với bị cáo S tháo gỡ tài sản của chị Y. Do đó, bị cáo D là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án nên hình phạt giành cho bị cáo cũng phải nặng hơn so với bị cáo S. Tuy nhiên, xét bị hại trong vụ án cũng có một phần lỗi là do bị hại mua cam của bị cáo D còn nợ số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo đã đòi nhiều lần nhưng bị hại vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vì vậy bị cáo D đã tức giận và trong lúc tức giận bị cáo không kiềm chế được bản thân đã thực hiện hành vi phạm tội nên bị hại cũng phải chịu một phần trách nhiệm trong vụ án



này. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính đối với bị cáo thấy cũng đủ điều kiện, đủ sức răn đe nhằm để giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài ra cần áp dụng khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D là phạt tiền 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Phước S là anh ruột của bị cáo Nguyễn Thị D lẽ ra khi bị cáo D điện thoại nhờ bị cáo đến vừa cam để phụ tháo lấy tài sản của vợ chồng anh B và chị Y thì bị cáo phải đứng ra ngăn cản nhưng ngược lại bị cáo không ngăn cản mà còn trực tiếp tham gia cùng với bị cáo D tháo gỡ tài sản của bị hại, khiêng lên xe tải để chở về nhà bị cáo cất giữ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, do bị cáo không giữ vai trò chính và không thực hiện hành vi tích cực như bị cáo D nên hình phạt giành cho bị cáo cũng nhẹ hơn so với bị cáo D. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính đối với bị cáo thấy cũng đủ điều kiện, đủ sức răn đe nhằm để giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài ra cần áp dụng khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S là phạt tiền 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Do áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có người thân có nhiều thành tích được Nhà nước tặng Huy chương giải phóng và Bằng khen nên cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 592 của Bộ luật Dân sự:

Xét yêu cầu của bị hại chị Nguyễn Thị Y yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S có nghĩa vụ bồi thường số tiền 100.000.000 đồng tổn thất do các bị cáo làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và ảnh hưởng đến hoạt động của vừa cam là không có cơ sở vì ngoài lời trình bày ra bị hại không có chứng cứ gì để chứng minh được thiệt hại do các bị cáo gây ra cho bị hại.

Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị D bồi thường cho chị 01 ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY.

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã giao trả số tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen cho bị hại và bị hại đã nhận lại tài sản xong.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cây búa bằng kim loại, đầu búa sơn màu xanh lá, cán búa có bọc vỏ nhựa màu cam; 01 cây kiềm bằng kim loại có dòng chữ FRIEND, MEINFA vỏ bọc bằng cao su có màu đỏ đen đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội và 01 dây xích có bọc ống nhựa màu xanh dương, có một mắc xích bị hỏng, trên dây xích có một ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY; 01 bù lon bằng kim loại có chữ PN; 02 con tán bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu 01 USB màu đen GLIGE 3.0 16 GB lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

**2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:**

**2.1.** Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 170, Điều 17, Điều 36; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối với Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D nộp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

**2.2.** Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 170, Điều 17, Điều 36; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước S **01 (một)** năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Phước S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối với Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Phước S nộp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

### **3. Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017) và Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại chị Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S có nghĩa vụ bồi thường số tiền 100.000.000 đồng do các bị cáo làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và ảnh hưởng đến hoạt động của vừa cam.

Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị D bồi thường cho chị 01 ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY.

### **4. Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã giao trả số tài sản gồm: 01 tivi màn hình phẳng hiệu LG 43LK5400PYA màu đen; 01 máy nước nóng lạnh hiệu MEDIA YD1518S-X màu trắng đen; 01 máy giặt hiệu TCL TWA90-B302GN màu đen xám; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA A25VM màu đen cho bị hại và bị hại đã nhận lại tài sản xong.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 cây búa bằng kim loại, đầu búa sơn màu xanh lá, cán búa có bọc vỏ nhựa màu cam; 01 cây kiềm bằng kim loại có dòng chữ FRIEND, MEINFA vỏ bọc bằng cao su có màu đỏ đen đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội và 01 dây xích có bọc ống nhựa màu xanh dương, có một mắc xích bị hỏng, trên dây xích có một ổ khóa hiệu TOPTEN TOP SECURITY; 01 bù lon bằng kim loại có chữ PN; 02 con tán bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng.

Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành dân sự huyện Trà Ôn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/12/2020.

Tịch thu 01 USB màu đen GLIGE 3.0 16 GB lưu hồ sơ vụ án.

Hiện đang lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

**5. Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Phước S mỗi bị cáo nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã T1;
- UBND xã H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Văn Phương**